

Số: 33/2026/QĐST-HNGĐ

Hà Nội, ngày 13 tháng 01 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 572/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn” giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Anh **Võ Quang Hòa B**, sinh năm 1976, HKTT và hiện ở tại: Số A, phường Bồ Đề, thành phố Hà Nội.

Căn cước công dân số: Q ngày 04/05/2021; Nơi cấp: Cục CSQLHC về trật tự xã hội.

* **Bị đơn:** Chị **Lê Thị T** - sinh năm 1981, HKTT và hiện ở tại: Số C, phường Bồ Đề, thành phố Hà Nội.

Căn cước công dân: 025181001137 cấp ngày 08/05/2021; Nơi cấp: Cục CSQLHC về trật tự xã hội.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 211, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 01 năm 2026;

XÉT THẤY

Anh Võ Quang Hoà B và chị Lê Thị T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 11/11/2004 (Giấy chứng nhận kết hôn số 63, quyển số 01/2004) tại Ủy ban nhân dân phường Gia Thụy, quận Long Biên (nay là phường Bồ Đề), thành phố Hà Nội. Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống không hạnh phúc nên anh chị thống nhất thuận tình ly hôn.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của anh chị được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05 tháng 01 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa: Anh **Võ Quang Hoà B** và chị **Lê Thị T.**

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về con chung:** Anh chị có 02 con chung là cháu Võ Hồng A, sinh ngày 10/08/2005 và cháu Võ Khôi N, sinh ngày 24/12/2009. Sau ly hôn, anh chị thống nhất thỏa thuận chị Lê Thị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Võ Khôi N kể từ tháng 01 năm 2026 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có quyết định pháp luật khác thay thế.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu Võ Hồng Anh, sinh ngày 10/08/2005 đã trên 18 tuổi nên ở với ai do cháu tự quyết định.

Anh Võ Quang Hoà B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung:**

+ **Về tài sản chung là các đồ dùng sinh hoạt trong gia đình:** Anh chị tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết, không có tranh chấp khiếu kiện gì, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

+ **Về tài sản chung là nhà ở và đất ở:** Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, không có tranh chấp khiếu kiện gì, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- **Về công nợ chung:** Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, không có tranh chấp khiếu kiện gì, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- **Về án phí:** Anh Võ Quang Hoà B tự nguyện chịu cả 150.000 đồng tiền án phí ly hôn. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh đã nộp theo biên lai số 0019294 ngày 10 tháng 12 năm 2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

Anh Võ Quang Hoà B được hoàn lại 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí còn thừa.

4. Hiệu lực của quyết định: Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND khu vực 5 – Hà Nội;
- THADS TP. Hà Nội;
- UBND phường Gia Thụy, quận Long Biên (nay là phường Bồ Đề), Hà Nội (Giấy chứng nhận kết hôn số 63, quyển số 01/2004 ngày 11/11/2004);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Thẩm phán

Nguyễn Thị Hồng Hạnh

